shēng yù

生育

Verb · give birth to; bear

Example Sentences

tā shēng yù le yí gè hái zi
她 生 育了一个孩子。

She gave birth to a child.

nǐ kǎo lǜ guò zài sān shí wǔ suì zhī qián wán chéng shēng yù jì huà ma
你考虑过在三十五岁之前 完 成 生 育计划吗?

Have you considered completing your childbearing plan before the age of thirty-five?

xǔ duō dòng wù zài chūn tiān shēng yù hòu dài
许多 动 物在 春 天 生 育后代。

Many animals give birth to offspring in spring.

Trace each character, then write the word on your own.